

Người phu bốc vác ở bến chợ

Phạm Công Trứ khuôn vác hàng hoá của người lái buôn họ Trần từ thuyền lên bến, nhận được tiền, vào quán, gọi com - một đĩa lòng lợn, canh muống, một chén rượu - sau đó tìm một gốc đa lớn, rải chiếu manh, rút trong tay nải ra một quyển sách, nằm dưới bóng cây, đọc mê mải, đến nỗi khi nhập hàng xuống thuyền không biết. Thương nhân họ Trần phải đi tìm, thấy Phạm Công Trứ ham học thế, liền để ý.

Buổi tối, cho gọi xuống thuyền mà hỏi:

- Anh ham học thế, sao không chú ý dùi mài kinh sử mà phải vất vả kiếm sống thế này?

Phạm Công Trứ nói:

- Không giấu gì ông. Tôi người làng Liêu Xuyên huyện Đường Hào, vì nhà nghèo nên phải theo bạn đến đây bốc vác kiếm ít tiền về nuôi mẹ.

- Khổ thế, chí thú vào việc khác có hơn không! Nếu anh chịu làm chân sào cho ta, thì cứ sau mỗi chuyến đi, tiền bạc cũng khá đấy!

Phạm Công Trứ nói:

- Cha tôi là nho sinh, thi cử nhiều năm không đỗ, khi mất còn uất ức, ứa nước mắt, bảo tôi: "Đời cha chưa có tên đề bảng vàng, con hãy cố thi đỗ, rửa cái hận này cho cha!". Như thế, tôi không gắng gỏi làm sao được.

Thương nhân họ Trần cảm động, khen có chí, từ đó lưu ý, bù trừ cho.

Khoa thi năm Mậu Thìn (1628), niên hiệu Vĩnh Tộ đời Lê Thần Tông, Phạm Công Trứ thi Tiến sĩ, cùng đỗ với Thám hoa Giang Văn Minh, trải làm quan đến Thái Thường tự khanh.

Năm ấy mất mùa, dân chúng đói kém, cướp bóc xảy ra nhiều nơi. Phó đô tướng Thái bảo Tây Quận công Trịnh Tạc được cử đi đánh dẹp. Chúa Trịnh Tráng chọn Phạm Công Trứ làm tán lý. Trịnh Tạc mang quân xuống Sơn Nam. Phạm Công Trứ dâng kế rằng:

- Tôi nghĩ dân mất mùa, đói ăn vụng, túng làm càn, do đó mới tụ họp thành trộm cướp. Nhà giàu vốn đã nhiều thóc lúa, nay lại cho vay nặng lãi tích trữ làm giàu, do đó lòng dân càng oán thán, bảo nhau đến cướp phá. Chi bằng đến các phủ huyện có bọn giặc cướp hoành hành dữ nhất, gọi đám nhà giàu lại, bảo họ tự nguyện đem thóc ra bán cho triều đình với giá phải chăng, ta lấy thóc đó, phát chẩn cứu dân, một mặt trị bọn đầu đảng. Như thế là vừa ngăn được dân không theo giặc lại làm ân đức của vương triều, nhà Chúa, thám đến tận từng nhà!

Trịnh Tạc cho là phải liền thi hành ngay, quả nhiên giặc cướp ở trấn Sơn Nam được dẹp yên. Kế đến Phạm Công Trứ lại theo Tây Quận công đánh Chúa Nguyễn Phúc Lan ở Thuận Hoá; dẹp tàn quân nhà Mạc cướp phá Cao Bằng. Đến khi Phù Quận công Trịnh Lịch, Thái phó Hoa Quận công Trịnh Sầm, vì ghen tức với Trịnh Tạc vừa được phong làm Đô tướng thái bảo, Khâm sai tiết chế các xứ thủy bộ chư dinh, nắm giữ binh quyền, được mở phủ đệ riêng cùng Chúa Trịnh Tráng lo chăm việc nước, Lịch và Sầm nổi loạn. Trịnh Tạc sai Trịnh Trượng, Phạm Công Trứ, Đặng Quang Nhiều đem quân đến Chúc Sơn đánh dẹp được, nên càng được tin cậy...

*

Trịnh - Nguyễn phân tranh ngày càng gay gắt. Dân chúng đóng góp nhiều, quân lính nhiều người đi đánh dẹp lâu không về, nhiều người tàn phế. Trong khi đó nhiều người trong hoàng tộc lại

ăn chơi xa xỉ, lấy vàng bạc làm đồ trang sức. Đồ bạc thì nhau làm các thứ tinh xảo, các nhà quyền quý đổ tiền đua nhau sắm, thì hơn, thì đẹp, rất xa hoa. Một hôm Phạm Công Trứ bảo Đặng Quang Nhiêu:

- Hôm qua một Quận công họ Trịnh mua một thanh gươm bạc trị giá bao nhiêu, ông biết không?

Đặng Quang Nhiêu thật thà nói:

- Tôi làm sao mà biết được.

- Hai ngàn lạng bạc! Ông thấy chưa? Chúng ta vất vả nơi lam chướng, quân sĩ ngày đêm lo tích trữ từng đấu thóc, từng học lương thảo, quân có lúc ăn không đủ no, mà họ thì vung vít không tiếc tiền của, rong chơi ngày này qua tháng khác!

Đặng Quang Nhiêu nói:

- Ông nói thế không sợ phạm thượng ư!

- Kẻ đã cầm quân, tất phải thương binh sĩ. Họ Trịnh người thì hiếu học, năng nổ giúp vua, trị nước, nhưng cũng có người chỉ bám lấy kinh đô, xa hoa chơi bời. Ta nói điều phải, chắc là nhà Chúa phải nghe thôi.

Liên dâng sớ lên Chúa khi thấy thanh gươm công nguyên, từ sắc bạc hoá ra sắc đồng. Tờ khải có đoạn:

"Thanh gươm công nguyên là vật quý trọng, từ sắc bạc đổi thành sắc đồng. Đó là sự lạ, không nên coi thường mà không chú ý! Nay trong kinh đô quen thói dùng đồ trang sức, đắt tiền mấy cũng mua, mà quân lính đói khát thì không biết thương, lại lấy vàng bạc làm đồ trang sức cho tước hầu nọ, tước quận công kia. Vị Quận công chưa bao giờ ra trận cũng đeo kiếm vàng, kiếm bạc, chuyên chuộng xa hoa. Kẻ làm giả đem bạc pha đồng, cũng không biết, bỏ bạc vụn, mua lấy thứ chỉ để làm dáng bề ngoài... Đó chẳng là điều mà trời đất run rủi ra để mách bảo vậy. Kính xin, nhân việc này mà bỏ những thứ trang sức bằng vàng, bạc, dùng những vàng bạc này

để làm lương cho quân, chỉ dùng đồng hay sơn cho đồ quân khí được bền chắc, đó là nhân chuyện kiếm bạc hoá sắc đồng để ứng lại điểm ấy mà làm tốt việc quân binh, phần chấn võ bị".

Trong buổi chiều, Phạm Công Trứ xuất ban dâng tờ khai, ai cũng lo thay cho ông, bởi cứ hai vị Quận công họ Trịnh thì có một người đeo kiếm vàng hoặc kiếm bạc làm thứ trang sức để tỏ rõ mình là người quyền quý.

Nhưng Chúa lại nghe theo và ban khen lời nói thẳng của Phạm Công Trứ. Khi tan châu, Đặng Quang Nhiều sững lăm, nhất định mời bằng được Phạm Công Trứ về dinh của mình uống rượu.

*

Mấy hôm sau, Phạm Công Trứ lại dâng sớ, lúc này, Trịnh Tạc đã lên ngôi Chúa. Ông xin bàn về phép dùng các bậc trí giả cả văn lẫn võ như sau:

"Bậc hiền giả tất phải dùng trí mà trị. Đường lối trí trị là thưởng phạt cho đúng. Võ tướng nếu biết chống quân xa, ngăn giặc để bảo vệ đất nước, biết ra lệnh và đôn đốc nghiêm mình, theo mệnh Vua mà hết sức để nên công việc thì tùy theo công lao mà ban thưởng; nếu làm võ tướng mà dùng dằng, dặt sợ, hành quân trái luật thì lấy quân luật mà trị tội. Đó là phép thường dùng để khuyến răn, rất là nghiêm ngặt. Văn thần thì nên giúp Vua thương dân, tô điểm thái bình, nếu biết thanh liêm, chăm việc, ngay thẳng, để xứng chức vụ thì tùy theo chính tích mà khen thưởng, hoặc người nào thừa hành công việc, cũng là xét hỏi kiện tụng, nếu không đổ lỗi trước mà cứ uốn phép hối lộ, để hậu quả do chậm quá kỳ, xét xử không đúng, câu kết bề dằng, vì ân nghĩa riêng mà nhận lời thỉnh thác, làm nhiều điều những tệ, đến nỗi nhát chính, hại dân, tội nhẹ thì xử giáng bãi, tội nặng thì xử theo quân luật, để hết thói tệ, cho nghiêm phép nước".

Trịnh Tạc xem xong, cho Phạm Công Trứ là người nghiêm cẩn, lời bàn xác đáng, liền đem sớ giao cho Nội Mật viện, xem xét và có những việc làm ngay để thực thi lời khải. Chúa lại cho Phạm Công Trứ làm Tham tụng, Lễ bộ Thượng thư kiêm Đông các đại học sĩ, Thiếu bảo, tước Yên Quận công, trù lên sáu bộ...

Phạm Công Trứ biết nhà Chúa tin dùng, lại càng nỗ lực.

*

Đến thời Chúa Trịnh Căn, Phạm Công Trứ được giao thêm việc trông coi Quốc Tử Giám. Bởi chính ông được Vua Lê giao cho mang trao phù tiết và sách vàng, ấn bạc khi lên ngôi Chúa, Trịnh Căn càng hết sức tin cẩn, kính trọng.

Bữa ấy, trời mưa, các giám sinh đang ngồi co ro, tránh những chỗ mưa dột. Người chăm học thì lấy sách ra đọc, người buồn thấy mưa thì đem rượu ra uống. Chợt thấy một ông trạc ngũ tuần, ăn mặc giản dị, theo sau có một vài người hầu, ghé vào chơi. Đám học trò đang rối rã, xô nhau đến hỏi. Ông nói:

- Tôi vốn trước nhà nghèo, không được dự vào giám sinh, nhưng thường ghé vào đây nghe lỏm các quan tể tửu đến giảng cho học trò làm các văn sách, kinh nghĩa. Có hôm mê bình thơ về đến nhà bị chủ máng và đánh đòn. Nay lập nghiệp cũng có chút vốn liếng, nên đến thăm Quốc Tử Giám, nơi các thầy ăn học chắc là phải đường hoàng lắm!

Một giám sinh nói:

- Đường hoàng gì đâu. Ông xem, mấy năm nay việc thi việc học đều có lắm chuyện lắm! Có người đi thi đã biết được đầu đề ra rồi, làm gì không đỗ, bởi họ là con tước vương này, quận công nọ. Có người thi người khác thi thay cho mình mà cũng thành ông Nghè, ông cống đấy. Còn chúng tôi con nhà nghèo, cặm cụi học hành, cũng là đám giỏi nhất tỉnh, nhất phủ huyện mới được chọn về đây, mà cơm ăn thì nhà thầu cho toàn gạo hẩm, ngày nắng thỉnh

thoảng còn trông thấy miếng thịt, chứ ngày mưa này thì ăn toàn cá khô mục thôi.

Phạm Công Trứ gật gật đầu rất cảm thông. Ông lại còn uống cả một chén rượu của một giám sinh rót mời. Trời mưa to, ông không về nổi, liền lấy trong túi một lạng bạc, và bảo:

- Tôi ra một câu đối, thầy khoá nào đối được sẽ lấy luôn lạng bạc này!

Các giám sinh xúm lại nhao nhao:

- Xin ông đọc luôn đi.

Phạm Công Trứ đọc: "Vũ vô kiêm toả năng lưu khách" (Mưa không phải ngòam, khoá mà giữ được khách).

Một giám sinh, nghĩ một lát đọc:

- "Phản bất uy quyền dị sử nhân" (Cứ không có uy quyền mà dọa được người).

Mọi người đều ô lên cười. Phạm Công Trứ cũng cười. Một người đứng phía sau nói to lên:

- Tôi đối, tôi đối đây: "Nguyệt hữu loan cũng bất xạ nhân" (Trăng có cây cung chẳng bắn người!).

Giám sinh đều ô lên khen hay. Người học trò rẽ các bạn định vào lĩnh thưởng, thì một người ngăn lại bảo:

- Khoan đã, để lạng bạc đó cho ta!

Và anh đọc luôn:

- "Sắc bất ba đào dị nịch nhân" (Sắc đẹp không hề là sóng gió mà chìm chết người).

Phạm Công Trứ vui lắm. Ông lấy thêm một lạng rưỡi bạc nữa ra mà nói:

- Ba câu đối đều hay, đều chỉnh, hai câu sau đều đáng thưởng một lạng, còn câu trên đối nhanh nhưng có phần hơi thô, nên chỉ được nửa lạng thôi!

Mọi người đều tán thưởng. Ông lại nói:

- Các anh đều là người có tài, sao hàng tháng không họp nhau trên bãi đường để bình văn đua tài, học hỏi lẫn nhau mà cứ mỗi người mỗi góc thế này?

Nói rồi liền cáo từ. Học trò Quốc Tử Giám bàn tán mãi không biết ông ta là ai cả... Nhưng mấy hôm sau, được gọi lên chào thầy mới họ mới biết đó là quan Tham tụng Lễ bộ thượng thư Phạm Công Trứ, càng thêm nể trọng.

Phạm Công Trứ cho sửa sang nhà quốc học, các điện, đường, cung, tường. Đầu dột nát đều được sửa lại chu tất. Nhà lưu trú của giám sinh phía sau Văn Miếu được đảo ngôi, xây thêm bể nước, làm vườn hoa cho học trò có thể dạo ngắm, lại chọn mỗi ngày đăm người tạo lệ do các huyện sở tại cử đến, để lo cơm nước cho đám học trò. Suất ăn cũng được chi thêm cho tươm tất.

Trong sân vườn, ông cho khơi hồ, xây tường hoa, lại đem trồng những cây lớn thay các cây còi cọc hoặc rạc chết, qui mô Quốc Tử Giám ngày càng hoàn tất và lộng lẫy.

Ông lại định ra cứ ngày rằm, mồng một hàng tháng, đều đại hội học trò để bình văn, hoặc giảng tập đua tài. Sĩ tử nô nức. Ông tâu Chúa, chọn quan đọc quyển, giám thí, chủ khảo là những người chân tài ra coi thi. Sĩ tử nơi nơi đều được ơn nhờ, nên học vấn tự nhiên đổi khác, chỉ hai khoa thi đã lập lại được nền nếp thuần phong mỹ tục...

Tết năm nào, nhà ông cũng chận người đến chúc tụng. Ông không nhận lễ của ai, dù là một thúng gạo, một lồng gà. Với ai cũng ân cần tiếp đón. Riêng đám học trò Quốc Tử Giám đến, ông cho trái chiếu đỏ sân, đem rượu ngon đồ nhắm ra mời rồi thầy trò đem thơ xuân ra bình, bài hay thì lại được thưởng một lạng bạc. Lễ đẹp ấy thường năm nào cũng rôm rả ngay mồng một Tết.

1999

Tể tướng làng Đại Mỗ

Dân làng Đại Mỗ đón Thám hoa Nguyễn Quý Đức vinh qui. Làng Mỗ ở bên một con lạch nhỏ chảy ra sông Hồng, nên đón quan Thám vinh qui cũng độc đáo hơn các làng khác. Mỗ ở dưới làng Chèm và làng Vẽ, hai làng này, nhiều quan nên thường xem nhẹ các làng lân cận. Cử nhân ở các nơi, thi Hương đỗ, cũng vinh qui bái tổ linh đình chẳng kém gì các nơi khác, nhưng ở làng Chèm vì lắm ông nghè, ông cống nên chỉ cho bốn tuần phiên đem theo một chiếc lọng vinh qui về làng. Năm ấy, triều đình không lấy Trạng nguyên, Bảng nhãn, nên Thám hoa coi như là cưới đầu, cưới cổ các sĩ tử trong thiên hạ, do đó, làng Đại Mỗ tự hào lắm. Đám rước vinh qui có đến hàng ngàn người. Các trung nam của làng từ tuổi mười tám đến ba mươi tuổi đi bằng hết. Quan Thám hoa cưới ngựa, che hai lọng xanh. Phu nhân quan Thám hoa ngồi trên võng cũng được che một chiếc tàn màu hoa lý... Đám rước vinh qui, qua làng Chèm, làng Vẽ, cố ý đi chậm lại, chiêm trống giống giả, nghi vệ oai phong, bát âm nhã nhạc véo von. Năm ấy, Chèm, Vẽ không có ai đỗ Tiến sĩ, các nhà nho và dân chúng tức khí lắm, nhưng không làm gì nổi. Đám nước đến cửa sông thì quan Thám hoa xuống ngựa, đi thuyền mang hình đầu phượng, giữa một đoàn thuyền chài. Quan Thám hoa ngồi bên cạnh vợ cho dân chúng cả hai bên bờ đứng quanh chiêm ngưỡng. Nhiều cô gái, dầu biết có phu nhân ngồi bên cạnh, vẫn gieo những quả cầu thêu năm màu, có tua thao rất đẹp xuống thuyền quan Thám hoa.

Trống chiêng đánh càng to, vọng mãi về làng Chèm, làng Vẽ. Một ông quan Thị lang bộ Lại hồi hưu ở làng Gạ, cạnh làng Chèm, sốt ruột cũng phải thốt lên:

- Trống chiêng vinh qui gì mà rùm beng lâu thế không biết. Cái làng Mỗ, lâu nay mới có một ông quan vinh quy nên bày vẽ thật đến điều!

Tháng 5 năm Canh Ngọ (1690) ông vâng lệnh triều đình làm Phó sứ, cùng Chánh sứ Nguyễn Danh Nho sang sứ nhà Thanh. Hai quan chánh, phó sứ rất hợp ý tâm đầu. Khi về Nguyễn Quý Đức được thăng Tả thị lang bộ Lễ, làm Bồi tụng ở phủ Chúa. Chúa Trịnh Căn hết lòng lo việc nước, ông luôn được châu chực bên cạnh, nhiều bản tấu hợp ý Chúa nên được đặc biệt tin dùng.

Mùa thu tháng 7 năm Giáp Tuất (1694) xảy ra vụ giáng chức hai quan Thị lang bộ Lại là Nguyễn Danh Nho và Ngô Sách Tuân. Nguyễn Danh Nho vốn là bạn đi sứ cùng ông, nên khi được nhà Chúa giao việc chuyển bổ các chức quan trọng có chú ý đến Nguyễn Quý Đức. Nhiều người làm quan trong triều nhất là những kẻ vốn có thể lực không được bổ nhiệm, thăng chức có ý oán trách. Họ khiêu tố với Chúa Trịnh rằng hai quan Thị lang bộ Lại thuyên bổ các quan chưa đúng tài năng và bàn xét không được thoả đáng. Nguyễn Danh Nho thiên vị cho Nguyễn Quý Đức, còn Ngô Sách Tuân thiên vị với hai người học trò. Chúa giao cho triều đình xét bàn. Nguyễn Danh Nho bị biếm làm Tả thị lang bộ Hình còn Ngô Sách Tuân thì chuyển làm Tham chính tỉnh Lạng Sơn. Để minh oan, Ngô Sách Tuân còn tố cáo Tham tụng Lê Hi khi còn ở bộ Lại đã tư vị cho con mình là Lê Thuyên và học trò là Lê Hình, dựa vào những chức tước không đáng. Nguyễn Quý Đức cũng bị Ngô Sách Tuân tâu với Chúa là thì thọt với Lê Hy để được chức Tả thị lang bộ Lễ... Nguyễn Quý Đức lặng yên không nói gì cả. Nhiều người bảo ông làm bản tấu dâng lên Chúa để tỏ bày phải, trái. Ông chỉ nói: "Điều

tôi không làm, bị vu cho, trước sau sẽ tỏ rõ, chỉ sợ tôi không phải là hạng chính nhân thôi!".

Quả nhiên sau khi các quan văn võ luận bàn, những lời của Ngô Sách Tuân không đúng sự thực, Sách Tuân bị giáng nữa, làm Đô cấp sự, còn Nguyễn Quý Đức được làm Tả thị lang bộ Lại. Sang năm Ất Hợi, niên hiệu Chính Hoà (1695) Chúa Trịnh lại cho ông làm Đô ngự sử.

Ít lâu sau, ông lại dính dáng đến chuyện kiện tụng. Số là con em của ông có nhận hối lộ của một người đi kiện về tranh chấp đất đai ở vùng mười ba trại. Người đi kiện muốn thắng, tuy đã có lý, có nhân chứng, nhưng vẫn chưa yên tâm. Vốn cùng người làng Đại Mỗ, họ đến nhà con cháu Nguyễn Quý Đức cậy nhờ, và biếu quan Đô ngự sử ba mươi lạng bạc. Sau khi xem xét đơn kiện, lại thấy người cùng làng, ông bảo người cháu ruột đem trả lại bạc cho họ. Vụ kiện được xử thấu lý đạt tình, nhưng bên thua kiện lại là con cháu của vị quận công nên họ lại cậy nhờ, cho là bị xử oan ức. Việc kiện tụng đến tai Chúa, Chúa triệu Nguyễn Quý Đức vào hỏi. Nguyễn Quý Đức cứ thực tâu bày, cả chuyện họ cho bạc và đem trả lại, nhưng Chúa cười mà hỏi:

- Ông trả bạc nhưng có nhận một chiếc áo vóc đại hồng, có không?

Nguyễn Quý Đức thưa:

- Khải Chúa, tấm vóc đại hồng ấy, thần có nhận, bởi nghĩ cho cùng giá cũng chẳng là bao. Thần năm lần bảy lượt cố từ, nhưng họ nói đấy là lòng quý trọng mến mộ của họ chứ không hề có chuyện đút lót, không nhận họ không về, nên thần đành chịu. Từ lúc nhận đến giờ vẫn ấy vậy, để nguyên đấy, chưa hề gì ả ra xem.

Chúa bảo:

- Kiện tụng bao giờ cũng lắm chuyện rắc rối. Đã thanh liêm thì thanh liêm đến tận cùng, nhận áo mà làm gì, Khanh thế là cũng chưa hết nhẽ.

Nguyễn Quý Đức ứa nước mắt, tạ ơn chịu là Chúa nói phải. Nhân việc này Quý Đức bị giáng xuống ba cấp, bảy giờ, chuyện mới yên.

*

Năm Tân Mão, niên hiệu Vĩnh Thịnh thứ bảy (1711), Chúa An Vương Trịnh Cương cai quản phủ Chúa. Trịnh Cương muốn đem dòng nhánh của mình tách ra, lập đền thờ riêng trong Thái Miếu.

Triều đình bàn tán xì xào, nhưng không ai dám đứng ra làm bản tấu để ngăn cản. Biết ông là người thẳng thắn, lại đang chức Tế tướng, ngôi cao nhất trong hàng văn võ, nhiều người chí tình, khuyên ông nên sớm nói, đừng để Chúa gây ra sự đã rồi.

Nguyễn Quý Đức, ngồi nghĩ suốt đêm, sáng hôm sau, vào châu Chúa. Lúc này An Vương Trịnh Cương đang vui, hỏi đùa:

- Tế tướng hôm nay có điều gì khẩn cấp mà vào châu sớm thế?

Nguyễn Quý Đức, quỳ xuống, nói:

- Thần ăn lộc chúa, được hết lòng tin cậy, nên những việc có liên quan đến quốc gia đại sự, dẫu nói ra, dù có mang đại tội cũng không dám từ nan.

Trịnh Cương nói:

- Khanh là Tham tụng, phải như thế các quan trong triều mới noi gương mà nói thẳng những điều ta cần phải biết! Việc gì, cứ nói!

- Tạ ơn Chúa, việc thần nói đây chính là việc Chúa xây riêng đền trong Thái Miếu!

Chúa sững lại, giọng không còn bình thường nữa:

- Sao?

- Khải Chúa, việc xây đền riêng thờ Khang Vương (Trịnh Căn), có mấy điều không nên.

Chúa hơi bực nhưng vẫn cố nén, nói trống không:

- Những điều gì vậy?

Nguyễn Quý Đức định nói tiếp, thì Chúa đã đứng dậy phân trần:

- Ta được dự vào ngôi chúa, ông cha ta đều là những người có công với triều đình, với họ Trịnh cả, "dương danh ư hậu, dĩ hiển phụ mẫu", sao lại gọi là không nên được!

Nguyễn Quý Đức dâng bản tấu, và nói:

- Những điều cặn kẽ, thần đã mạo muội, nói hết trong bản tấu này! Chỉ xin được vấn tất, đem lòng sợ hãi khải lên Chúa rằng: Thái Miếu là nơi tôn nghiêm, đầu phải của riêng họ Trịnh, còn thờ các Vua Lê nữa, có phải muốn đưa ai vào cũng được! Những người được thờ trong ấy, phải đã từng lên ngôi vua ngôi chúa. Với họ Trịnh còn là tổ tiên khởi nghiệp hoặc là ông nội và người sinh ra Thánh tổ Triết Vương (Trịnh Kiểm). Nay Chúa đang cầm quyền, đưa một lúc ông, cha của mình vào thờ, thứ nhất, sẽ không còn trọng luật lệ từ trước, thứ hai không tôn chuyện sắc phong của Hoàng đế, thứ ba, người đời cho là lấy uy quyền mà át thể chế, muốn đưa ai vào Thái Miếu thì đưa, thứ tư, việc riêng của mình không thấu đáo, thì những việc lớn của thiên hạ làm sao thấu đáo được, thứ năm, trong ba vị Chúa định thờ riêng kia, đâu được một ngôi đền riêng, nhưng trong Thái Miếu bỗng thành tách biệt. Làm sang hơn ngôi đền chính ư? Hẳn là không được, thế là cái điều định đề cao, mà lại hoá ra làm thấp đi vậy. Thứ sáu, điều đáng lo nhất, ngay họ Trịnh phải đâu chỉ một nhánh trưởng, nhánh thứ nào truyền mãi ngôi chúa, nếu như nhánh của Chúa, sau này không truyền ngôi mãi được, nhánh khác ở vào ngôi chúa, có định lệ cũ, lại tự lập đền riêng, thế là Thái Miếu mất đi cái uy nghiêm nhất thống từ xưa đến nay...

An Vương Trịnh Cương tuy không hài lòng, nhưng thấy Nguyễn Quý Đức nêu những chuyện không thể không xem xét thêm, liền cầm lấy bản tấu, rồi bảo:

- Được, để ta đọc kỹ bản tấu của khanh đã...

Chúa đọc hai ngày, bàn thêm với các quan Bồi tụng và đại thần khác, rồi cho triệu Tham tụng Nguyễn Quý Đức vào, phủ dụ:

- Lời can của khanh, ta đã ngẫm nghĩ kỹ. Việc này quả là cũng thật tế nhị. Thôi không lập đền riêng thờ Khang Vương, Quốc Tể công, Tham Tể công cũng được, nhưng bây giờ khanh có kế gì khác, để ta tỏ lòng hiếu với ông cha trước bá quan văn võ được không?

Nguyễn Quý Đức tâu:

- Thần nghĩ, Quốc Tể công đã được phong Lương Mục Vương, Tham Tể công cũng được phong Tấn Quang Vương. Khang Vương ở ngôi chúa để trong Thái Miếu đã đành rồi, còn hai vị sau đều là dòng đích trưởng, đức dày còn mãi, lúc sống cũng có công trạng thì cũng đưa vào Thái Miếu thờ được, song bàn thờ, vì không dự vào ngôi Chúa, nên thấp hơn một chút.

Chúa à lên vui vẻ:

- Phải phải, nên như thế, nên như thế!

Từ đó càng yêu và trọng Nguyễn Quý Đức, đến nỗi ông xin cáo quan hai lần, Chúa vẫn không cho. Đã vào tuổi "cổ lai hy", ông cũng muốn một vài năm hưởng thú an nhàn, nên lại làm tờ Khải Chúa bằng được. Chúa gọi vào bảo:

- Lão thần giỏi giang được nhiều người nể phục như ngươi, ở ngôi Tể tướng, thì những người giỏi khác mới phục được. Nếu ngươi thấy mệt mỏi thì lấy thêm các đại học sĩ vào phủ Tham tụng để họ đỡ dần công việc cho.

Nguyễn Quý Đức, dập đầu đến rỏ máu, thưa:

- Thần ở ngôi cao Tể tướng, lại già nua, không thể không có người ghen ghét. Vả lại triều đình người hiền tài đâu phải hiếm. Thần xin Đại vương tổng quốc chính thể tình, để được học đòi lời răn của Lão Tử: "Tự biết là đủ thì không nhục"⁽¹⁾.

⁽¹⁾ Nguyên văn: Tri túc, vô nhục.

Chúa biết không giữ nổi liền cho về trí sĩ, ban thơ, tặng xe ngựa và bổng lộc, yêu mến rất hậu.

Khi về hưu, ông rong chơi: danh lam thắng cảnh, dựng đình "Lạc Thọ" bên dòng sông quê nhà, lại tạo thêm cảnh suối rừng cùng các bậc lão trượng, văn nhân trong vùng xứng họa, có lúc bơi thuyền dọc sông, xem thả diều trên đê, lòng vô cùng thanh thản.

1999

Quan đốc trấn về kinh

Chúa An Đô Vương Trịnh Cương, xem rất kỹ lời nghị luận của Đề hình Nguyễn Công Hãng:

"Thiết nghĩ, việc xử kiện thì pháp luật đã định rõ điều mục, nhưng quan xử án thì đâu có theo! Bọn hào lý thì khinh nhờn phép nước. Vì vậy kiện cáo ngày thêm nhiều, gian phi ngày càng lắm, dân ngày càng đi đến chỗ cùng khổ. Nay nên làm rõ điển chế cũ, tuyên bố thi hành. Thân nghĩ, nên duyệt khắp các quan lại, cũng tùy theo mức giới chấp pháp mà ban thưởng: ai dạy bảo, chăm dân giỏi, bớt hẳn giấy tờ kiện cáo, thì xếp vào hạng nhất, viên quan nào xử án thích đáng không sai, không đòi hỏi, phiền nhiễu dân, xếp vào bậc thứ hai. Có lời khiếu, xét kỹ, thấy sai, oan không phạt kẻ bị tố oan, xếp vào bậc thứ ba. Như thế có thể giữ được sự công bằng trong sạch. Đến như xử kiện thì tố tụng phải theo thứ tự, cấm kêu kiện vượt bậc, ba lần xử đều y như nhau thì cấm đòi xét xử một cách càn rỡ. Kẻ nào gửi gắm người trong nội phủ để thỉnh thác, thì tùy nặng nhẹ mà khép tội, để răn bọn hào phú cậy cửa. Kẻ vu cáo thì khép tội nặng để răn việc hãm hại. Kẻ ra sức kiện cáo thì phạt để răn tính hung dữ, ngoan cố. Kẻ thù dặt đơn kiện thì khép vào tội điều toa. Ai liên tục khiếu nại sai thì nghiêm phạt để ngăn việc gửi gắm, kiện tụng... Xử kiện tất phải cho sao chép lời luận tội ngay ngày ấy để chặn sự diễn đảo, yêu sách gian trá. Khám tù tất phải đến nhà ngục kiểm điểm, xem xét người bị giam, để bỏ cái tệ tự tiện tha tù. .. Đến như việc sai người đi không đúng chức vụ, hoặc móc ngoặc với người trong cửa quan, hầu mệnh, hoặc chạy chọt ở chốn

quyền thế, mạo tên công sai, đến nơi thì bắt bậy, phao vu, dọa dẫm để lấy tiền bạc, người bị hại nếu như đem việc ức hiếp kêu lên, thì kẻ giả thác công sai lại không cho quan ty được tra khám, bắt người bị hại ấy về giam đánh, bắt ức họ phải đền bồi, tạ tội; có người đến khuyh gia bại sản mà không biết kêu vào đâu. Như vậy đũa cậy quyền, cậy thế kia, ngăn cản quan Hữu ty làm việc không thể không trừng trị nghiêm khắc. Nay nên lấy điểm chương cũ có sẵn, ban bố trong ngoài, răn bảo kỹ càng, lại sai các ty sao chép đem yết thị, khiến cho mọi người đều biết điểm chương hiến pháp không thể trái được. Quan lại sẽ noi theo thi hành, quân dân e sợ né tránh, người phạm pháp ngày càng ít đi, án kiện dần dần xong hết. Đó là làm rõ lệ xét xử để thanh thoả việc từ tụng vậy”.

Chúa đọc xong khen:

- Hay lắm! Hay lắm!

Rồi quay sang hỏi quan Tham tụng:

- Nguyễn Công Hãng đỗ khoa nào ấy nhỉ, khanh có nhớ không?

Quan Tham tụng thưa:

- Khải Chúa, Hãng người làng Phủ Chận, huyện Đông Ngàn, trấn Kinh Bắc, đỗ đồng Tiến sĩ khoa Canh Thìn, là người giỏi và trẻ nhất khoa ấy!

- Thảo nào! - Chúa nói.

Từ đấy có ý muốn thử tài Nguyễn Công Hãng để dùng!

*

Mùa xuân năm Quý Ty (1713), hạn hán rất lâu, đồng đất nẻ khô, có chỗ đứt cả bàn chân lọt sâu vào kẽ nẻ. Những dòng sông cạn có chỗ chỏ nhảy qua. Thóc gạo cao vọt, đám lưu dân từng lũ, từng đàn, từ tỉnh này qua tỉnh khác như kiến chạy lụt. Dân chúng phải chà hoa cỏ, tước vỏ cây, đào củ mài, củ bầu ăn lấy sống người.

Nguyễn Công Hãng mặc áo nho sinh vi hành ra đường, người bám đến xin tiền. Hãng hỏi một cụ già:

- Trông cụ không đến nỗi nào, sao lại đi ăn xin.

Cụ già hỏn hển nói:

- Thưa ông, tôi, nhà cũng có vài mẫu ruộng, nhưng gặp nạn đói, con cháu đông, chỉ một tháng đầu đã vội một nửa. Họ hàng bu đến vay, chẳng lẽ mình lại không cho vay! Thương người thì vạ đến thân, tháng thứ hai dốc đến hạt thóc cuối cùng... Những tưởng trời mưa xuống. Nào ngờ gió, gió khô, trời hanh kéo dài, ruộng đầm cũng kiệt nước. Chiêm trở nghẹn đòng. Lúc này, dốc sức vét từng giọt nước; ao, hồ, đầm cũng cạn kiệt. Đành bán ruộng cứu người. Hai mẫu ruộng không nổi hai tạ thóc. Nhà giàu đổ thóc ra mua ruộng... Bán xong giữ vài sào chờ mưa. Nào ngờ, hè sang, trời vẫn chọc cũng chẳng ra một giọt nước. Nhà lão, mười người chết bảy, chết đói chết dịch đủ cả. Cố không đi ăn xin, nhưng còn một đứa con dâu, một đứa cháu trai mới sinh, đành đi xin nuôi con, nuôi cháu vậy.

Nguyễn Công Hãng hỏi đến chữ nghĩa, hoá ra cụ từng đỗ đến sinh đồ. Liền lấy thóc cho mấy học, an ủi cho về...

Khi về, Hãng vào khải với Chúa từ canh năm. Chúa nghe nói rõ tình hình báo:

- Có chuyện nhà giàu ép nhà nghèo cơn hoạn nạn ấy ư. Bây giờ phải làm thế nào?

Nguyễn Công Hoãn thưa:

- Dân đói trông chờ ở vua ở chúa. Vua, chúa không ra tay cứu thì ai cứu. Nhà giàu có tiền, lúc này găm tiền, găm thóc... Nếu lấy thóc của nhà giàu của vương hầu ra bán rẻ hoặc phát chẩn cho trăm họ, thì dễ cứu được dân. Dân yên thì lính cũng yên. Lính là con em của dân. Mất lòng vương hầu nhưng được lòng dân chúng. Thần mong Chúa thượng có sách lược gấp.

Chúa nghe theo, họp quần thân bàn cách cứu đói. Những bậc quan bậc trung có nghĩa khí, đều hăng hái, dốc phần thóc, tiền ra góp công quỹ cứu dân. Đám nhà giàu bách, vạn thung đấu thì chỉ góp hơn các quan chút đỉnh.

Hăng bàn với Chúa:

- Không cưỡng bức, không xong. Lính cấm vệ, cũng bồn chồn về người nhà li tán. Giờ chỉ giữ một nửa cấm binh ở kinh thành. Một nửa cho xuống các tứ trấn. Quân tứ trấn thì lấy xuống các tỉnh lân cận. Quân các tỉnh lân cận thì đưa các tỉnh xa hơn. Vua ban đại chiếu cứu dân đói, lời lẽ ân tình, buộc người còn thóc phải bỏ số thóc thừa ra cứu đói... Rồi, mở những cuộc phát chẩn tại chỗ, từng làng, từng phủ huyện... Gắng trong một tháng thế nào cũng có mưa!

Chúa nghe theo, cho thi hành. Nhà giàu, nhà quan đối sách khá gay gắt, song quân cấm vệ cũng khá quyết liệt thi hành lệnh chúa để cứu nhà, cứu làng họ, nên việc cứu đói rất hiệu quả... Dân chúng khóc nhận phần thóc; ruộng đáng phải bán rẻ bán thối đều giữ lại được, không phát mại cho nhà giàu.

Nguyễn Công Hăng lại xin Chúa cho chọn lúa, ngô tốt để làm giống, kịp gieo khi mưa xuống... Lại đem dây khoai ở các làng bãi xuống cho các làng, trồng ngay từ lúc chưa mưa.

Một tháng sau, mưa xuống, dân có giống, xoay xở rất nhanh. Mùa xuân ấy trả vụ... Dân nhớ ơn Chúa, thuế đóng róc rác, kho đụn lại đầy.

Chúa gọi Nguyễn Công Hăng ban cho một tấm lụa. Nguyễn Công Hăng thưa:

- Khải Chúa, dân chúng đã qua cơn đói, nhưng đám vương hầu, nhà giàu thì chỉ muốn róc xác Hăng này ra thôi...

Chúa hỏi:

- Sao khanh lại nói thế.

Hãng đưa những bức thư nặc danh, đám nhà giàu, nhà quan doạ giết, bắt đình chỉ ngay việc cứu đói không thì cả nhà không được yên cho Chúa xem. Chúa kinh ngạc hỏi:

- Có chuyện này ư?

- Khải Chúa, thần làm sao mà viết được hàng chục lối chữ trong các thư, giấy thả vào vườn vào nhà thần này. Có điều, dân đói lại bảo vệ cho thần, lính cấm vệ xả thân vì thần...

Rồi kể mấy lần chết hụt trong tháng cứu đói cho Chúa nghe.

Chúa ngồi yên, thần người không nói gì cả.

*

Nguyễn Công Hãng dâng kế cho Chúa, định lại các thuế tô, dung, điệu, đo đạc lại ruộng công, những ruộng bãi để ban cho lính và những người có công; lại hạn điền, chỉ để các vương hầu nhất phẩm, đến lục phẩm ruộng không quá mười mẫu đến ba trăm mẫu. Những việc này đều đụng chạm đến những đám tai to mặt lớn ở triều đình và các phủ huyện.

Về thi cử, Hãng cho rằng cần đem thể văn Bát cổ để thay thế lối văn Kinh nghĩa... Từ thời Lê Gia Tông (Trung hưng) thể văn Kinh nghĩa chia ra bảy tiết, từ câu phá câu thừa đến đoạn khởi (giảng)... khai (giảng), trung (cổ), hậu (cổ) và kết thúc là hết. Trong bài văn cú học kỹ những chú thích, nhớ lấy nghĩa, rồi mượn chỗ nọ, đáp chỗ kia vào cho đủ ý là được. Do đó nho sinh chỉ học như vẹt lấy những chú thích, nhớ lấy nghĩa là bằng lòng. Hồi đi sứ, Nguyễn Công Hãng có nghiên cứu hỏi kỹ lưỡng về khoa thi Minh Kinh ở nhà Minh, thấy phải đem lối văn Bát cổ vào trường thi mới thể tìm được người thực tài, thực học. Lối văn Bát cổ, tuy không lấy việc chính trị để bàn hợp ý Vua, nhưng nếu không có kiến thức uyên bác, không trải nghiệm ngoài đời, không thể làm được. Lối văn ấy không phải người học quán xuyên cả kinh truyện, thì không tài nào viết nổi.

Nguyễn Công Hăng lấy học trò Quốc Tử Giám để dạy văn Bát cổ làm mẫu. Quả nhiên ở trường giám, số nho sinh đến tập văn thưa dần. Nhưng đến khi đọc quyển, các quan tể tử đều mừng rằng, người ít, nhưng sức học, tài văn thì lại cao hơn trước rất nhiều. Lối văn Bát cổ, lập ý, để chữ, chỉ có tài lạ mới làm được. Khoa thi Đông Các năm ấy, kỳ thi Kinh nghĩa được thay bằng văn Bát cổ. Các quan oái lên vì chưa quen, kêu rầm, la ó, chửi bới, đến tận tai Chúa, nhưng lại là khoa chọn được những bậc chân tài như Phạm Khiêm Ích, Vũ Công Trấn, Nguyễn Công Thái.

Chúa ban thưởng mũ áo đai bạc cho họ cưới voi vinh quy về làng như tam khôi.

Đám đại thần thủ cựu thấy Nguyễn Công Hăng như cái gai trước mắt, liền dâng bản tấu lên Chúa cho Hăng lên châu xa, lấy có biên trấn đang cần người tài. Chúa biết Hăng có tài, song sức ép của các thân vương, Quận công cũng dữ, bởi họ đều bị mất quyền lợi vì Hăng, nên cũng xuôi tai, nghe theo. Chúa sai Đỗ Bá Phẩm ban chỉ dụ đến cho Nguyễn Công Hăng. Hăng vào châu Chúa, thưa:

- Những thể chế các đời Chúa trước, thiên về thời chiến do cuộc chiến tranh Trịnh - Nguyễn, mà có điều chưa khuyến khích được sức dân làm giàu. Thần muốn gần bên Chúa để đưa tân pháp vào giúp ổn định lại thế nước. Nay Chúa nghe bọn thủ cựu sai thần đi trấn nhậm cõi xa, khác nào tách chúa, tôi ra khỏi nhau... Xin Chúa nghĩ lại.

Chúa Trịnh Cương phủ dụ:

- Đốc trấn Cao Bằng Nguyễn Khắc Thuần không được lòng dân, Nội Mật Viện bàn cử khanh lên đấy... Ta khuyên khanh hãy lên đó làm hết sức mình đã, rồi sau hãy hay.

Nguyễn Công Hăng đành nghe theo. Hăng lên đến nơi, xem xét dân tình, trị bọn làm loạn, bọn những nhiều, hiếp dân, chỉ mấy tháng dân tình yên ổn. Lại đem điều ban hành về tâu, dung, điều ở kinh đô, đem thực thi ở nơi trị nhậm. Năm ấy được mùa, việc buôn